TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN
Bản án số: 09/2019/HSST
Ngày: 06/5/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Thúy Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Lê Văn Chưởng

2/Ông Nguyễn Xuân Nghi

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bích Hằng**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P- tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: **Ông Lê Trung Hậu**– Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/HSST ngày 19/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 02/04/2019 và đối với các bị cáo:

1/**Trương Văn C** (Tên gọi khác: Trương Văn H), sinh năm 1979; tại Phú Yên. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12. Nghề nghiệp: Làm nông; Cha: Trương M, sinh năm 1951; Mẹ: Võ Thị B, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

2/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; tại Phú Yên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12. Nghề nghiệp: Làm nông; Cha: Nguyễn Huỳnh H, sinh năm 1961; Mẹ: Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1962; Chồng: Trương Văn C, sinh năm 1979; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Nho H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện P.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Đình T, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện P theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 30/7/2016 đến ngày 10/8/2016 Trương Văn C (tên gọi khác: Trương Văn H) cùng vợ là Nguyễn Thị T đến khu vực rừng tự nhiên tại khoảnh 6, tiểu khu 271 thuộc xã H, huyện P dùng rựa chặt phá rừng tự nhiên với diện tích 6.100m^2 để trồng khóm. Ngày 23/8/2016 Hạt kiểm lâm huyện P phối hợp với UBND xã H kiểm tra phát hiện lập biên bản kiểm tra, qua làm việc Trương Văn C và Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi chặt phá diện tích rừng trên. Tại Bản kết luận giám định tư pháp số 1255 ngày 29/12/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận rừng bị chặt phá tại khoảnh 6 tiểu khu 271 với diện tích 6.100 m^2, trạng thái rừng nghèo, được quy hoạch chức năng rừng sản xuất theo Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 12/12/2007 của UBND tỉnh Phú Yên.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 23/7/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: Diện tích rừng bị chặt phá tại khoảnh 6 tiểu khu 271 có giá trị thiệt hại về lâm sản 8.880.350 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường 26.641.050 đồng, tổng giá trị thiệt hại là 35.521.400 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 02 /CT-VKS ngày 15/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T về tội "*Hủy hoại rừng"* quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 15/02/2019. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T phạm tội "Hủy hoại rừng". Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cho các bị cáo; Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn C mức hình phạt từ 12- 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24- 30 tháng; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức hình phạt từ 09- 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên số tiền 35.521.400 đồng, các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 1.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 34.521.400 đồng;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi rựa bằng kim loại dài 42cm, rộng 05cm (không có cán rựa); 01 lưỡi rựa bằng kim loại dài 45cm, rộng 5,1cm (không có cán rựa) mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội vì không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả 1.000.000 đồng nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện của nguyên đơn dân sự trình bày: Từ ngày 30/7/2016 đến ngày 10/8/2016 Trương Văn C và Nguyễn Thị T đã chặt phá rừng sản xuất trái phép với diện tích 6.100m^2 tại khoảnh 6, tiểu khu 271 do UBND xã H, huyện P quản lý, gây thiệt hại về lâm sản: 8.880.350 đồng, thiệt hại về môi trường 26.641.050 đồng, tổng giá trị thiệt hại là 35.521.400 đồng. Do đó UBND xã H yêu cầu các bị cáo C và T phải bồi thường tổng số tiền thiệt hại nêu trên. Ngoài ra, không yêu cầu các bị cáo phải khắc phục hậu quả trồng rừng. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài lần vi phạm này, các bị cáo ở địa phương đều chấp hành tốt chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra hiện nay Uỷ ban nhân dân xã H cũng có kế hoạch thực hiện theo chủ trương Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện P để mời các hộ dân vi phạm đến làm việc tuyên truyền và sẽ tiếp tục cho các hộ dân trồng xen canh trên đất, cụ thể trồng cây lâu năm và trồng khóm đảm bảo đạt tỷ lệ che phủ, cải tạo môi trường và cũng tăng gia sản xuất cho các hộ dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Từ ngày 30/7/2016 đến ngày 10/8/2016 Trương Văn C và Nguyễn Thị T đã chặt phá rừng sản xuất trái phép với diện tích 6.100m^2 tại khoảnh 6, tiểu khu 271 do UBND xã H, huyện P quản lý, gây thiệt hại về lâm sản

8.880.350 đồng, thiệt hại về môi trường 26.641.050 đồng, tổng giá trị thiệt hại là 35.521.400 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999 như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái, môi trường và an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo C và bị cáo T đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng không nhận thức được điều đó, chỉ vì mục đích lấy đất làm rẫy trồng khóm để tăng thu nhập cho gia đình mà các bị cáo đã hủy hoại rừng nên cần phải xử mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo C là người khởi xướng, các bị cáo C và T đều là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực, trực tiếp dùng rựa chặt phá rừng sản xuất trái phép do Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P quản lý nên cần xem xét mức hình phạt tương ứng với hành vi của từng bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho nguyên đơn dân sự và được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hơn nữa, các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T phải bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại với số tiền 35.521.400 đồng, tại phiên tòa bị cáo C và bị cáo T đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho nguyên đơn dân sự. Xét thấy toàn bộ thiệt hại xảy ra là do bị cáo C và bị cáo T gây ra nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo Cháu và bị cáo Thấm phải liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P số tiền 35.521.400 đồng, các bị cáo đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng nên còn phải bồi thường số tiền 34.521.400 đồng cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 17.260.700đồng. Ngoài ra, nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải khắc phục hậu quả trồng rừng nên Tòa không xét.

[4] Về vật chứng: 01(một) cái lưỡi rựa bằng kim loại dài 42cm, rộng 05cm; 01(một) cái lưỡi rựa bằng kim loại dài 45cm, rộng 5,1cm mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T phạm tội "Hủy hoại rừng"

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cho các bị cáo Trương văn C và Nguyễn Thị T.

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã H huyện P, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, các Điều 587, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T phải liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P số tiền 35.521.400 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm đồng), các bị cáo đã bồi thường số tiền 1.000.000 (một triệu đồng) nên còn phải liên đới bồi thường tiếp số tiền 34.521.400 đồng (ba mươi bốn triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm đồng), cụ thể bị cáo Cháu phải bồi thường số tiền 17.260.700đồng (mười bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng), bị cáo Nguyễn Thị Thấm phải bồi thường số tiền 17.260.700đồng (mười bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng) .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái lưỡi rựa bằng kim loại dài 42cm, rộng 05cm; 01 (một) cái lưỡi rựa bằng kim loại dài 45cm, rộng 5,1cm mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, vì không còn giá trị sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện P với Chi cục thi hành án dân sự huyện P)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Các bị cáo Trương Văn C và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 863.000 đồng *(tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Đội điều tra - Công an H.Phú Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Sơn